

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 17/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 17 tháng 01 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành Thể dục thể thao
tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thể dục, thể thao;

Căn cứ Quyết định số 2052/QĐ-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Quảng Ngãi đến 2020;

Căn cứ Quyết định số 2198/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1752/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Quy hoạch hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật thể dục, thể thao quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Quyết định số 424/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao nhiệm vụ lập quy hoạch ngành, sản phẩm, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng năm 2012;

Căn cứ Quyết định số 870/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc thành lập Hội đồng thẩm định các Dự án: Quy hoạch phát triển ngành Văn hóa - Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1304/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Đề cương và dự toán lập dự án: Quy hoạch phát triển ngành Thể dục, thể thao tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư (thường trực Hội đồng thẩm định) tại Báo cáo kết quả thẩm định số 1450/BCTĐ-HĐTĐ ngày 25 tháng 12 năm 2013 về việc Quy hoạch phát triển ngành Thể dục, thể thao tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành Thể dục, thể thao tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 (*sau đây gọi tắt là Quy hoạch*), với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN NGÀNH THỂ DỤC THỂ THAO

1. Quan điểm phát triển

a) Quan điểm chung: Xây dựng nền thể dục, thể thao (TDTT) của tỉnh Quảng Ngãi phát triển, tiến bộ, có tính dân tộc, khoa học và nhân dân, góp phần tích cực nâng cao sức khỏe, thể lực, giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống lành mạnh, làm phong phú đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân; nâng cao năng suất lao động xã hội và sức chiến đấu của lực lượng vũ trang.

b) Quan điểm cụ thể:

- Xây dựng chiến lược phát triển thể thao thành tích cao phù hợp với đặc điểm phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ngãi.

- Đổi mới toàn diện quan điểm và định hướng xã hội hóa hoạt động TDTT của tỉnh với mục tiêu phát huy tiềm năng trí tuệ và vật chất trong nhân dân.

- Mở rộng giao lưu và hợp tác quốc tế trong sự nghiệp phát triển TDTT của tỉnh. Xây dựng tổ chức quản lý nhà nước về các loại hình dịch vụ TDTT, gắn thể thao với hoạt động văn hóa, du lịch của tỉnh.

- Tăng cường đầu tư phát triển cơ sở vật chất – kỹ thuật TDTT của tỉnh góp phần hoàn thiện, nâng cao chất lượng các thiết chế phục vụ đào tạo vận động viên, phục vụ phát triển TDTT quần chúng, TDTT trường học, TDTT trong các lực lượng vũ trang...

2. Mục tiêu phát triển

a) Mục tiêu chung:

Phát huy những thành quả đã đạt được, vận dụng những phương pháp, biện pháp hữu hiệu nhằm xây dựng và đẩy mạnh các hoạt động TDTT của tỉnh Quảng Ngãi, đưa ngành TDTT Quảng Ngãi **đạt thứ hạng 40** tại Đại hội TDTT toàn quốc năm 2014 và đạt thứ hạng **từ 32 – 36** tại Đại hội TDTT toàn quốc năm 2018; góp phần nâng cao sức khỏe, thể trạng, tầm vóc và làm phong phú đời sống văn hóa tinh thần, giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống lành mạnh của nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, sẵn sàng đáp ứng mọi yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

b) Mục tiêu cụ thể:

b.1) Phát triển TDTT cho mọi người.

Đẩy mạnh và tạo sự chuyển biến mạnh mẽ các hoạt động TDTT quần chúng ở xã, phường, thị trấn, trường học, các đơn vị lực lượng vũ trang... coi đây là nền cơ bản để phát triển TDTT.

b.2) Phát triển thể thao thành tích cao.

Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống đào tạo tài năng thể thao của tỉnh Quảng Ngãi; thực hiện quy hoạch đào tạo lực lượng cán bộ quản lý, HLV, VĐV, trọng tài... có chất lượng. Hoàn thiện hệ thống các chính sách, cơ chế quản lý, đẩy mạnh xã hội hóa nhằm huy động nguồn lực tham gia phát triển thể thao thành tích cao.

b.3) Đẩy mạnh xã hội hóa TDTT.

Đổi mới cơ bản quan điểm nhận thức, giải pháp thực hiện về xã hội hóa TDTT; tạo điều kiện để toàn xã hội tham gia hoạt động và phát triển sự nghiệp TDTT của tỉnh.

b.4) Đảm bảo các điều kiện phát triển TDTT.

Kiện toàn hệ thống tổ chức quản lý của ngành TDTT phù hợp với quy mô và tốc độ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và của ngành. Xây dựng mới, nâng cấp, khang trang các cơ sở vật chất Thể dục thể thao theo quy hoạch, đảm bảo tính hiện đại, cân đối, đồng bộ, hiệu quả, đặc biệt là cơ sở vật chất cho thể thao thành tích cao, thể thao giải trí.

Bảng các chỉ tiêu cụ thể ngành TDTT tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Đến 2015	2016 - 2020	2021 - 2025
1.	2.	3.	4.	5.	6.
I.	TDTT cho mọi người				
1	Người tập TDTT thường xuyên	%	30,77	36,46	40,61
2	Gia đình thể thao	%	21,77	25,00	28,00
II.	Giáo dục thể chất trong nhà trường				
1.	2.	3.	4.	5.	6.
1	Số học sinh đảm bảo giờ thể dục nội khoá	%	100	100	100
2	Số học sinh đảm bảo giờ thể dục ngoại khoá				
	- Tiểu học	%	60	70	75
	- THCS	%	55	65	75
	- THPT	%	75	80	85
	- ĐH-CD	%	80	84	86
3	Số học sinh đạt tiêu chuẩn về kiểm tra thể lực	%	100	100	100

III.	Thể thao thành tích cao				
1	Số lượng Vận động viên (VĐV) các cấp	VĐV	460	520	575
2	Số lượng Huấn luyện viên (HLV)	HLV	46	58	72
3	Số lượng VĐV đạt đẳng cấp - Kiện tướng - Cấp 1	%	4,35	7,00	10,5
		%	6,09	10,5	14,0
4	Số lượng VĐV đạt huy chương - Quốc tế - Trong nước	Huy	02	05	08
		Chương	110	120	142

II. CÁC ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CHỦ YẾU NGÀNH THỂ DỤC THỂ THAO

1. Phát triển và phân bố phong trào thể dục thể thao cho mọi người

- a) Phát triển người tập luyện TDTT thường xuyên
- b) Phát triển hộ gia đình thể thao

Theo Chiến lược phát triển TDTT Việt Nam đến năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, gia đình luyện tập thể dục thể thao là gia đình có ít nhất 50% số thành viên đại diện các thể hệ trong gia đình là người tập TDTT thường xuyên. Cùng với hướng phát triển, người tập TDTT thường xuyên tỉnh Quảng Ngãi, tỷ lệ hộ gia đình thể thao tăng trưởng dự báo là 21,77% năm 2015, 25% năm 2020 và 28% năm 2025.

- c) Phân bố tỷ lệ người tập luyện TDTT thường xuyên theo địa giới.
- d) Phát triển người tập luyện TDTT thường xuyên theo đối tượng.
- e) Phát triển người tập luyện TDTT theo môn thể thao.
- g) Xây dựng hệ thống thi đấu TDTT quần chúng.

Hoạt động thi đấu TDTT quần chúng tỉnh Quảng Ngãi có Đại hội Thể dục thể thao 04 năm/lần và hội thi thể thao các huyện miền núi định kỳ 02 hoặc 04 năm/lần. Đây là các hoạt động có quy mô lớn, phối hợp nhiều cấp - ngành, được đầu tư chuẩn bị công phu nên cần duy trì ổn định về số lượt tổ chức, chú trọng tăng số lượng và chất lượng vận động viên theo định mức tăng 12% số vận động viên của giải đấu sau so với giải đấu trước đó.

2. Phát triển giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường

Việc thực hiện Luật thể dục, thể thao đánh dấu bước phát triển mới của TDTT nước ta nói chung và tỉnh Quảng Ngãi nói riêng, qua đó mọi cấp, mọi ngành nghiêm

chính chấp hành, tăng cường quản lý và chỉ đạo đối với công tác giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường.

- a) Phát triển giáo dục thể chất và hoạt động thể thao.
- b) Phát triển cơ sở vật chất trong trường học.
- c) Chỉ tiêu về tỷ lệ học sinh trên giáo viên TDTT.

Bảng tỷ lệ học sinh/giáo viên TDTT đến năm 2025

Cấp học	2011		2015	2020	2025
	Tổng số GV	Tỷ lệ HS/GV	Tỷ lệ HS/GV	Tỷ lệ HS/GV	Tỷ lệ HS/GV
Tiểu học	225	427	350	285	250
THCS	328	249	165	165	165
THPT	170	301	260	230	200
ĐH-CD-TC	32	657	600	500	350

d) Định hướng công tác đào tạo vận động viên năng khiếu các môn thể thao trong trường học.

3. Phát triển thể thao thành tích cao giai đoạn 2012 - 2020, tầm nhìn 2025

a) Xây dựng lực lượng vận động viên:

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống đào tạo tài năng thể thao trong chương trình xây dựng lực lượng VĐV kế thừa và nâng cao thành tích thi đấu thể thao thành tích cao, tập trung đầu tư có trọng điểm ở các môn thể thao, nội dung từng môn, số lượng VĐV đạt đẳng cấp quốc gia và quốc tế ở các tuyến.

b) Phát triển các môn thể thao thành tích cao:

- *Giai đoạn đến 2020 và 2025:*

Phát triển thành 3 nhóm môn thể thao:

* Nhóm 1: Những môn thể thao trọng điểm, có thứ hạng ở các giải toàn quốc và có vận động viên được chọn vào đội tuyển quốc gia (Nhóm các môn võ, Điền kinh, Bơi lội).

* Nhóm 2: Những môn có phong trào phát triển rộng, cần thiết đào tạo nhằm hòa nhập thể thao trong nước và mở rộng giao lưu với các đơn vị bạn (Nhóm các môn bóng).

* Nhóm 3: Những môn thể thao dân tộc, các môn thể thao giải trí nhằm quảng bá dịch vụ du lịch, các môn thể thao khác...

- *Định hướng phát triển các môn thể thao chuyên nghiệp:*

Giai đoạn 2021 – 2025: Chuyên nghiệp hoá môn Bóng đá.

c) Phát triển thể thao thành tích cao

d) Xây dựng hệ thống đào tạo vận động viên

- *Đến năm 2015*: Hoàn thiện hệ thống đào tạo vận động viên theo các tuyến; mở rộng không gian tuyển chọn và phát hiện tài năng thể thao; hình thành một số Trung tâm đào tạo vận động viên ở các vùng đô thị nhằm tập trung đầu tư một số môn thể thao mũi nhọn mang tầm vóc quốc gia.

- *Giai đoạn đến 2020 và 2025*: Xây dựng hệ thống đào tạo vận động viên theo hướng chuyên nghiệp nhằm đáp ứng cho giai đoạn phát triển mới của tỉnh và của cả nước; hình thành quy trình công nghệ đào tạo vận động viên. Xây dựng và hoàn thiện từng bước hệ thống huấn luyện chuyên môn, ứng dụng khoa học công nghệ và hệ thống các điều kiện đảm bảo hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế.

e) Thực hiện quy trình tuyển chọn đào tạo vận động viên.

4. Xây dựng hệ thống tổ chức quản lý và đào tạo cán bộ TDTT

a) Xây dựng hệ thống quản lý TDTT trong toàn tỉnh.

b) Quy hoạch đội ngũ cán bộ TDTT.

- Quy hoạch đội ngũ cán bộ TDTT của tỉnh.

- Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ hướng dẫn viên, cộng tác viên TDTT cấp cơ sở.

III. VỀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CƠ SỞ VẬT CHẤT TDTT**1. Xác định phương hướng phát triển cơ sở vật chất TDTT**

Xây dựng và phát triển đồng bộ cơ sở vật chất, kỹ thuật TDTT phải phù hợp với yêu cầu triển khai thực hiện Chiến lược phát triển TDTT Việt Nam đến năm 2020 và Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

a) Chỉ tiêu cơ sở vật chất, kỹ thuật TDTT.

b) Chỉ tiêu cơ sở vật chất, kỹ thuật TDTT trong trường học và các lực lượng vũ trang.

c) Quy hoạch xây dựng các công trình TDTT gắn với phát triển văn hóa, du lịch, thể thao giải trí, dịch vụ thể thao:

- Khu vực đồng bằng ven biển, hải đảo.

- Khu vực miền núi.

- Các Khu công nghiệp, khu kinh tế mở.

d) Phương án bố trí sử dụng đất dành cho ngành TDTT.

Đơn vị tính: ha.

TT	Phân theo đơn vị hành chính	Năm 2015	Năm 2020
1	Thành phố Quảng Ngãi	25,80	25,80
2	Huyện Bình Sơn	176,00	174,60

3	Huyện Sơn Tịnh	60,67	79,61
4	Huyện Tư Nghĩa	85,58	94,68
5	Huyện Mộ Đức	29,71	35,61
6	Huyện Đức Phổ	60,34	248,33
7	Huyện Nghĩa Hành	29,39	31,39
8	Huyện Trà Bồng	9,03	13,45
9	Huyện Tây Trà	6,55	12,81
10	Huyện Sơn Hà	13,05	19,05
11	Huyện Sơn Tây	6,23	9,30
12	Huyện Minh Long	12,99	12,99
13	Huyện Ba Tơ	12,18	14,68
14	Huyện Lý Sơn	4,61	4,61
	Tổng cộng:	532,13	776,91

2. Nguồn vốn đầu tư xây dựng công trình TĐTT và trang bị cơ sở vật chất

- Nguồn vốn nhà nước từ Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tổng cục TĐTT, từ ngân sách Trung ương và địa phương.

- Nguồn vốn xã hội từ hoạt động xã hội hoá TĐTT, nguồn tài trợ của các cơ quan, các đơn vị kinh tế - xã hội và nhân dân và các nguồn vốn kinh doanh quảng cáo, sản xuất kinh doanh cho thuê sân bãi, trang thiết bị TĐTT và đào tạo, cung cấp vận động viên, huấn luyện viên.

Bảng Cơ cấu nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng

T T	Các nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng TĐTT	Thời gian		
		2014- 2015	2016- 2020	2021- 2025
1	Ngân sách nhà nước về phát triển TĐTT	70%	65%	60%
2	Nguồn vốn xã hội hoá TĐTT	30%	35%	40%
	Tổng cộng:	100%	100%	100%

Ghi chú: Nguồn vốn đầu tư các công trình TĐTT trong trường học phục vụ nhu cầu giáo dục thể chất do ngành Giáo dục và Đào tạo phối hợp với ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề nghị Nhà nước đầu tư. Các cơ sở vật chất TĐTT trong các lực lượng vũ trang do cơ quan chủ quan thực hiện.

3. Định hướng đầu tư xây dựng cơ sở vật chất giai đoạn 2021 - 2025

Thực hiện mục tiêu phát triển TĐTT trong giai đoạn này là xã hội hóa trong tất cả các lĩnh vực TĐTT, đặc biệt là huy động nguồn lực của xã hội để xây dựng cơ sở

vật chất của TDTT. Do vậy, việc định hướng quy hoạch cơ sở vật chất này sẽ có cụ thể sau khi thực hiện giai đoạn 1 từ 2011 – 2020.

Bảng đầu tư kinh phí Chương trình, Dự án ưu tiên

Đơn vị tính: Tỷ đồng.

T T	Tên Chương trình, Dự án ưu tiên	2014 - 2015	2016 - 2020	2021 - 2025
I	Chương trình			
1	Chương trình đào tạo VĐV phát triển thể thao thành tích cao	72,5	130,0	150,0
II	Dự án			
2	Dự án các công trình thể thao cấp tỉnh (Khu Liên hợp TDTT)	100,0	642,4	-
3	Dự án các công trình thể thao cấp tỉnh (Nhà thi đấu đa năng)	-	-	250,0
4	Dự án đầu tư xây dựng thiết chế TDTT của các địa phương (14 huyện/thành phố)	60,0	210,0	210,0

4. Phát triển xã hội hóa TDTT

Tiếp tục thực hiện Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về Đề án phát triển xã hội hóa hoạt động văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2010 - 2015, định hướng đến năm 2020. Trong lĩnh vực TDTT, tiếp tục thực hiện các nội dung:

- Đổi mới cơ chế, chính sách xã hội hóa TDTT.

- Xác định các mối quan hệ giữa cơ quan lãnh đạo, quản lý và các tổ chức xã hội nghề nghiệp về thể thao.

- Các hình thức hoạt động.

5. Các phương án hỗ trợ phát triển TDTT

a) Phương án phát triển kinh tế thể thao.

b) Các phương án phát triển kinh doanh tài sản TDTT.

- Các mục tiêu kinh doanh tài sản TDTT.

- Xác định các lĩnh vực hoạt động kinh doanh TDTT được định hướng phát triển đến năm 2020 và phát triển mạnh ở giai đoạn 2020 – 2025.

- Sản xuất và tổ chức dịch vụ sản phẩm vật chất TDTT.

- Dịch vụ sản phẩm phi vật chất TDTT.

c) Định hướng nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ trong các hoạt động TDTT.

- Thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học.

- Xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật TDTT.

d) Định hướng phát triển thông tin tuyên truyền về TDTT.

e) Định hướng các hoạt động quan hệ quốc tế

g) Định hướng nguồn đầu tư tài chính: Căn cứ trên hiện trạng nguồn kinh phí hoạt động cho ngành TDTT được trình bày căn cứ trên những định hướng quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi:

- Dự kiến nguồn vốn đầu tư, nguồn kinh phí hoạt động cho ngành TDTT tỉnh do ngân sách nhà nước cấp.

- Dự kiến nguồn kinh phí tự cân đối được sử dụng từ khoản thu trong các hoạt động của ngành chiếm tỷ lệ 20 - 30 % so với kinh phí do ngân sách cấp.

h) Định hướng chế độ chính sách ngành trong những năm sắp đến.

- Chế độ chính sách đối với mảng hoạt động phong trào.

- Chế độ chính sách đối với mảng thể thao thành tích cao.

IV. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho các ngành, các cấp, các tầng lớp nhân dân về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với công tác TDTT, về giá trị của hoạt động TDTT đối với sức khỏe con người nhằm phát huy tiềm năng, trí tuệ, vật chất trong nhân dân huy động toàn xã hội tham gia nguồn lực và thực hiện các hoạt động TDTT phục vụ nhân dân.

2. Triển khai thực hiện tốt Quyết định số 2198/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020. Tổ chức các hoạt động TDTT phù hợp với từng đối tượng nhằm phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị của các tổ chức và cơ sở, thu hút nhiều người, nhiều thành phần tham gia tập luyện TDTT.

3. Thực hiện hiệu quả Chương trình Giáo dục thể chất trong các trường học các cấp theo đúng quy định mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành.

4. Kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước ngành TDTT từ cấp tỉnh đến cơ sở. Trước mắt triển khai thực hiện tốt Nghị định 13/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thông tư số 11/2010/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định tiêu chí của Trung tâm Văn hóa - Thông tin quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh.

5. Tăng tỷ trọng vốn ngân sách của tỉnh để đầu tư phát triển ngành TDTT (tăng cường vốn ngân sách để đầu tư phát triển các công trình thể thao, hỗ trợ thêm kinh phí ngoài định mức cho các hoạt động sự nghiệp...).

6. Thực hiện tốt công tác xã hội hóa trong toàn tỉnh nhằm tăng cường nguồn lực của xã hội để đẩy mạnh việc phát triển sự nghiệp TDTT. Xây dựng các chính sách ưu đãi đối với nguồn nhân lực là tài năng thể thao của tỉnh. Có chế độ đãi ngộ, động viên

các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội có công phát hiện và đào tạo VĐV tham gia các giải đấu thể thao đỉnh cao. Hoàn thiện hệ thống chế độ bồi dưỡng, khuyến khích đối với đội ngũ Huấn luyện viên – Vận động viên – Trọng tài.

7. Tăng cường nghiên cứu và ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ trong công tác quản lý đào tạo Vận động viên.

8. Điều hành và tổ chức thực hiện quy hoạch:

Ngay sau khi Quy hoạch được phê duyệt, các cấp, các ngành cần khẩn trương công bố, tổ chức tuyên truyền, phổ biến quy hoạch để các cơ quan, đơn vị và nhân dân biết, tổ chức thực hiện; cụ thể hoá các nội dung của quy hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế thành kế hoạch phát triển TDTT trong thời hạn 05 năm và hàng năm; có biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện đầu tư phát triển của ngành theo Quy hoạch này.

Điều 2. Giao Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố công bố công khai và tổ chức thực hiện Quy hoạch, bảo đảm đạt kết quả và đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Giám đốc Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Ngãi; Hiệu trưởng Trường Đại học Phạm Văn Đồng; Giám đốc Công an tỉnh; Chỉ huy trưởng: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Cao Khoa